



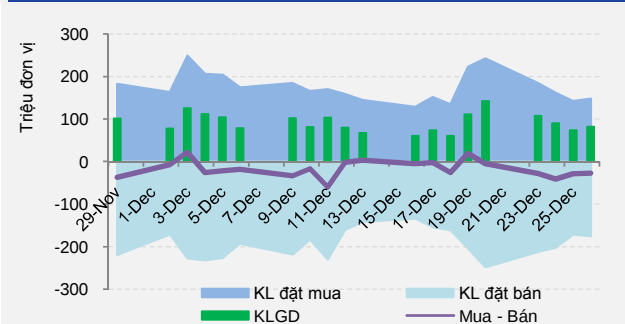
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 26/12/2013

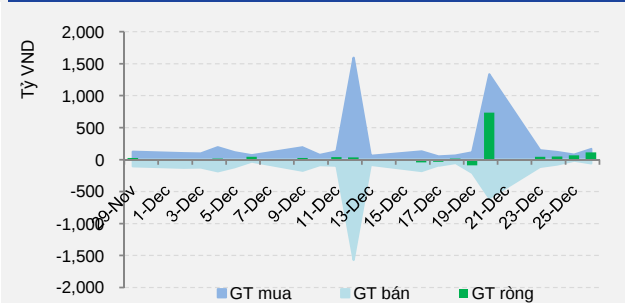
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	506.6	68.1
% Thay đổi	↑ 0.4%	↓ -0.2%
KLGD (CP)	82,220,668	56,972,872
GTGD (tỷ đồng)	1,320.71	430.35
Tổng cung (CP)	174,747,580	94,901,500
Tổng cầu (CP)	147,879,430	88,932,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	1,227,410	193,800
KL mua (CP)	4,350,920	890,000
GTmua (tỷ đồng)	167.80	13.98
GT bán (tỷ đồng)	54.93	2.31
GT ròng (tỷ đồng)	112.87	11.68

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.55%	7.2	1.6	1.9%
Công nghiệp	↑ 0.17%	249.0	1.1	24.0%
Dầu khí	↑ 0.44%	7.8	1.5	3.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.15%	14.4	1.9	3.6%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.68%	8.7	2.9	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.59%	12.3	4.9	18.9%
Ngân hàng	↑ 0.19%	10.6	1.2	2.6%
Nguyên vật liệu	↑ 0.44%	10.3	2.0	7.5%
Tài chính	↑ 0.61%	15.9	2.4	31.5%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 1.94%	9.1	3.3	5.6%
VN - Index	↑ 0.42%	12.8	2.9	75.8%
HNX - Index	↓ -0.16%	17.4	1.6	24.2%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,964,746	2.4%	3,019,560	3.6%
GTGD (triệu VND)	71,686	5.2%	96,025	7.0%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Kỳ vọng quyết định nói room đối với NĐTNN sớm được thông qua giúp dòng tiền tham gia tại nhóm cổ phiếu cơ bản cải thiện. Chỉ số VN-Index tăng điểm trở lại sau hai phiên giảm điểm. Theo góc độ kỹ thuật, lực cầu có cải thiện khi VN-Index giảm sát mốc hỗ trợ 503 điểm. Mức độ tăng điểm nhẹ với thanh khoản giảm cho thấy lực cầu còn thận trọng. Thị trường có xu hướng phân hóa giữa từng nhóm cổ phiếu, tập trung vào cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản, cổ phiếu xây dựng, BĐS với những tín hiệu cởi mở hơn liên quan đến sở hữu nhà ở của NĐTNN.

Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên giảm điểm nhẹ với diễn biến giao dịch trầm lắng, KLGD tập trung chủ yếu tại cổ phiếu PVX sau nhiều phiên tăng mạnh. Chỉ số HNX-Index đã có 3 phiên giao dịch tích lũy khi tăng đến đường biên trên của kênh tăng giá kéo dài từ nửa cuối tháng 9, tương đương khoảng 68.5 điểm. Diễn biến dao động hẹp với thanh khoản giảm, KLGD tập trung vào một nhóm cổ phiếu chưa cho tín hiệu đủ tích cực về lực cầu. Tuy nhiên xét về chỉ số chung, HNX-Index vẫn cho tín hiệu tích cực về xu hướng tăng điểm ngắn hạn.

Chúng tôi duy trì quan điểm trong ngắn hạn chỉ số VN-Index dao động tích lũy trong khoảng 503-513 điểm, trước khi tiếp tục xu hướng tăng điểm. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, vấn đề quan trọng là lựa chọn cổ phiếu được dòng tiền quan tâm, ưu tiên yếu tố cơ bản của cổ phiếu. KQKD Q4, ngành nghề dự kiến được hưởng lợi trong năm 2014 như xây dựng hạ tầng, BĐS, xuất khẩu dự kiến sẽ là tiêu chí được nhà đầu tư quan tâm khi lựa chọn cổ phiếu.

- VN-Index tăng 2.13 điểm (0.42%), lên 506.55 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 503.59 điểm.

- HNX-Index giảm 0.10 điểm (0.15%), xuống 68.10 điểm, tương đương mức thấp nhất trong phiên. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 68.43 điểm.

- Thủ tướng yêu cầu xây dựng Luật Nhà ở (sửa đổi) theo hướng tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nước ngoài, Việt kiều được mua nhà ở Việt Nam. Theo đó, các điều khoản quy định cho người nước ngoài sở hữu nhà ở cần được quy định theo hướng thông thoáng hơn, góp phần thúc đẩy thị trường bất động sản, xây dựng phát triển. Loại trừ đối tượng người nước ngoài bị kiểm soát an ninh, còn lại là được mua nhà. Quyết định này dự kiến giúp tăng mạnh lực cầu đối với nhà ở tại Việt Nam. Hiện Việt Nam có khoảng 130 nghìn người Hàn Quốc phải thuê nhà ở vì không được mua nhà.

- Bộ xây dựng cho phép các nhà phát triển địa ốc bán đất nền khi cơ sở hạ tầng hoàn thiện (thay vì phải có nền móng như trước đây) theo thông tư 20, có hiệu lực từ ngày 5/1/2014. Điều này sẽ giúp cho các nhà phát triển địa ốc có quỹ đất lớn DIG, NLG, BCI và KDH có thể: 1/ bán sản phẩm sớm hơn thông thường; 2/ giải tỏa bớt áp lực về dòng vốn để xây dựng nền móng; và 3/ giảm hàng tồn kho nhanh.

- Lãi suất liên Ngân hàng có xu hướng tăng nhẹ vào thời điểm cuối năm, tập trung vào kỳ hạn ngắn, khi nhu cầu tiền mặt của doanh nghiệp và người dân tăng cao. Diễn biến này là bình thường mang tính chu kỳ. NHNN cũng đã tăng cường bơm vốn qua thị trường mở nhằm hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống Ngân hàng. Hiện chung mức độ bơm vốn không nhiều, lãi suất liên Ngân hàng tăng nhưng vẫn ở mức thấp vẫn thể hiện tình trạng thanh khoản tốt của toàn hệ thống. Hiện lãi suất qua đêm ở mức 4.67%, tăng khá mạnh so với mức dưới 3% trong tuần trước.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Đi ngang	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 2.13 điểm (0.42%), lên 506.55 điểm. Mức thấp nhất trong phiên là 503.59 điểm.

- KLGD không nhiều biến động so với phiên trước, đạt 68.8 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng nhẹ lên mức 51 điểm, tâm lý thị trường bước đầu cải thiện. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn dao động phía dưới đường tín hiệu, khoảng cách thu hẹp nhẹ.

Nhận định: Kỳ vọng quyết định nới room đối với NĐTNN sớm được thông qua giúp dòng tiền tham gia tại nhóm cổ phiếu cơ bản cải thiện khá mạnh. Lực cầu từ khối ngoại tại nhóm cổ phiếu Bluechips cũng là yếu tố hỗ trợ thị trường. Chỉ số VN-Index tăng điểm trở lại sau hai phiên giảm điểm.

Theo góc độ kỹ thuật, lực cầu có cải thiện khi VN-Index giảm sát mốc hỗ trợ 503 điểm. Mức độ tăng điểm nhẹ với thanh khoản giảm cho thấy lực cầu còn thận trọng. Tuy nhiên thực tế dòng tiền có xu hướng luân chuyển lần lượt giữa từng nhóm cổ phiếu chưa cho tín hiệu tiêu cực về động lực thị trường.

Chúng tôi duy trì quan điểm thị trường dao động tích lũy trong khoảng 503-513 điểm trong ngắn hạn. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, vấn đề quan trọng là lựa chọn cổ phiếu được dòng tiền quan tâm, ưu tiên yếu tố cơ bản của cổ phiếu.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm 0.10 điểm (0.15%), xuống 68.10 điểm, tương đương mức thấp nhất trong phiên. Mức cao nhất thiết lập trong phiên là 68.43 điểm.

- KLGD tăng 27% so với phiên trước, lên 54 triệu đơn vị, tập trung tại cổ phiếu PVX với 22 triệu đơn vị được chuyển nhượng.

- Chỉ số RSI 14 giảm xuống mức 77 điểm, vẫn ở mức quá mua. Chỉ báo MACD 9 ngày duy trì khoảng cách phía trên đường tín hiệu, chỉ báo về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên giảm điểm nhẹ với diễn biến giao dịch trầm lắng, KLGD tập trung chủ yếu tại cổ phiếu PVX sau nhiều phiên tăng mạnh. Chỉ số HNX-Index đã có 3 phiên giao dịch tích lũy khi tăng đến đường biên trên của kênh tăng giá kéo dài từ nửa cuối tháng 9, tương đương khoảng 68.5 điểm. Diễn biến dao động hẹp với thanh khoản giảm, KLGD tập trung vào một nhóm cổ phiếu chưa cho tín hiệu đủ tích cực về lực cầu. Tuy nhiên xét về chỉ số chung, HNX-Index vẫn cho tín hiệu tích cực về xu hướng tăng điểm ngắn hạn.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	GAS	HOSE	17066.94	104.3%	2989.03	120.4%	48869.23	92.1%	10189.98	42.5%	132.5%	219.0%
2	VIC	HOSE	8469.59	660.5%	1874.71	1964.3%	11600.52	228.9%	5956.06	340.6%	79.4%	1278.0%
3	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	21.4%	81.3%	4900.0%
4	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	-21.5%	102.3%	2949.0%
5	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	78.9%	122.1%	4492.0%
6	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1791.8%	417.2%	1130.0%
7	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	20.6%	102.4%	3879.0%
8	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	3.9%	57.1%	4900.0%
9	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	8.8%	129.7%	2329.0%
10	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	71.8%	129.1%	4503.0%

CỔ PHIẾU CÓ KẾT QUẢ KINH DOANH LỖ TRONG 2 NĂM LIÊN TIẾP VÀ 9T/2013

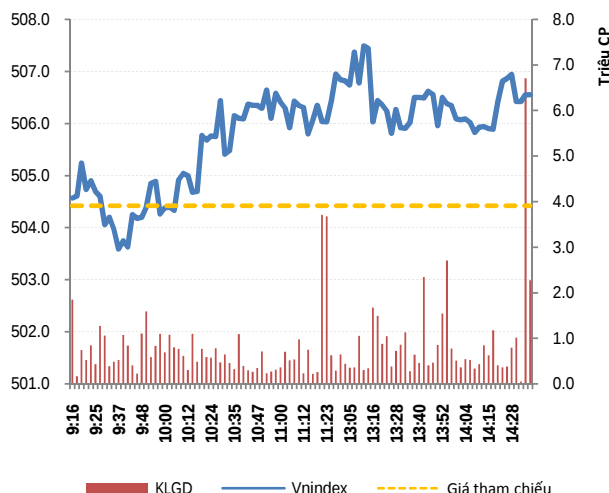
STT	Mã	Sàn	LNST 2011	LNST 2012	LNST Q1 (tỷ)	% so Q1.2012	LNSTQ2 (tỷ)	% so Q2.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	LNST 9T (tỷ)	% so 9T.2012
1	GGG	HNX	(65.26)	(27.34)	0.07	100.8%	(7.05)	11.8%	(7.01)	6.8%	(13.99)	42.6%
2	HHL	HNX	(12.96)	(14.13)	(0.78)	80.5%	(2.89)	20.8%	(0.75)	48.3%	(4.42)	51.4%
3	ILC	HNX	(31.81)	(9.76)	(3.74)	-94.8%	(5.22)	31.9%	(3.41)	-1520.8%	(12.37)	-32.3%
4	KSD	HNX	(16.43)	(34.90)	(0.81)	95.9%	(1.62)	88.1%	1.11	223.3%	(1.32)	96.1%
5	MIC	HNX	(15.16)	(9.73)	0.16	106.0%	0.10	102.1%	(1.07)	-136.9%	(0.81)	82.4%
6	MMC	HNX	(2.78)	(3.96)	(2.74)	-3.4%	(1.04)	-79.3%	(1.17)	-20.6%	(4.95)	-17.9%
7	PHS	HNX	(47.39)	(101.47)	(2.27)	83.6%	(3.73)	89.8%	(8.13)	48.8%	(14.13)	78.7%
8	PVA	HNX	(2.16)	(144.87)	(2.43)	-169.8%	(16.29)	-1562.2%	(3.71)	70.9%	(22.43)	-118.8%
9	PVX	HNX	(19.12)	(1,338.39)	(31.87)	-578.5%	(1,194.45)	-151.7%	(173.22)	-1095.4%	(1,399.54)	-190.2%
10	S96	HNX	(46.90)	(5.15)	(0.79)	13.2%	(0.19)	79.3%	(0.31)	80.3%	(1.29)	62.1%
11	SDB	HNX	(28.93)	(35.74)	(8.37)	-46.8%	(14.75)	-38.6%	(9.89)	-5.2%	(33.01)	-28.2%
12	SDY	HNX	(17.88)	(4.83)	(4.01)	-56.0%	(3.68)	-183.1%	(0.81)	-143.1%	(8.50)	-327.1%
13	SHN	HNX	(146.02)	(127.02)	(2.70)	84.4%	(53.16)	22.0%	(6.75)	72.0%	(62.61)	42.9%
14	SJM	HNX	(8.38)	(11.54)	(0.91)	-175.8%	0.23	103.5%	0.07	102.3%	(0.61)	93.9%
15	VCV	HNX	(6.54)	(44.15)	(9.80)	-230.0%	(15.31)	-42.3%	(6.80)	30.7%	(31.91)	-35.6%
16	VHH	HNX	(3.77)	(1.34)	(1.98)	-275.2%	0.25	-51.9%	(1.29)	32.8%	(3.02)	-1018.5%
17	VTC	HNX	(7.55)	(3.28)	(2.53)	23.3%	(0.80)	28.6%	0.26	117.9%	(3.07)	47.7%

Ghi chú: Top cổ phiếu lợi nhuận chỉ lọc những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

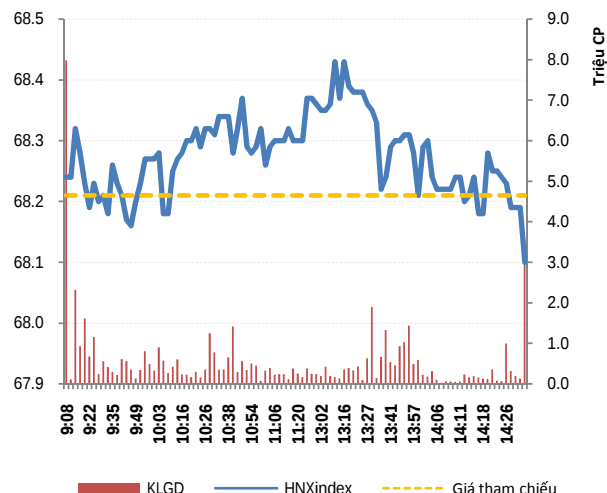
Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 11/12/2013

EPS tính theo 4 quý gần nhất, BVPS tính theo BCTC gần nhất

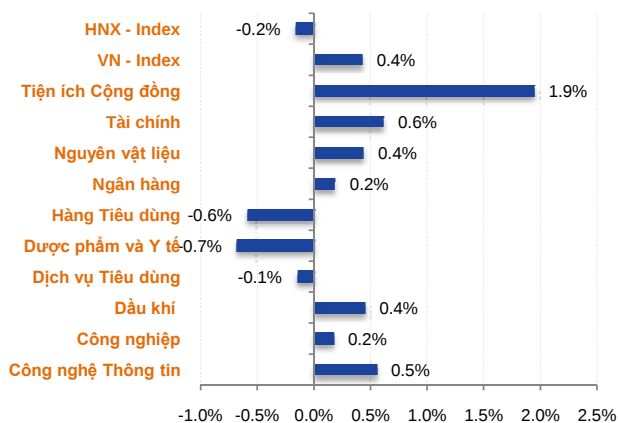
KLGD và VN-Index trong phiên



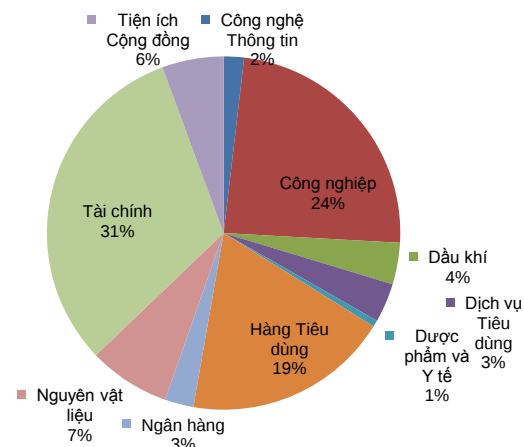
KLGD và HNX-Index trong phiên



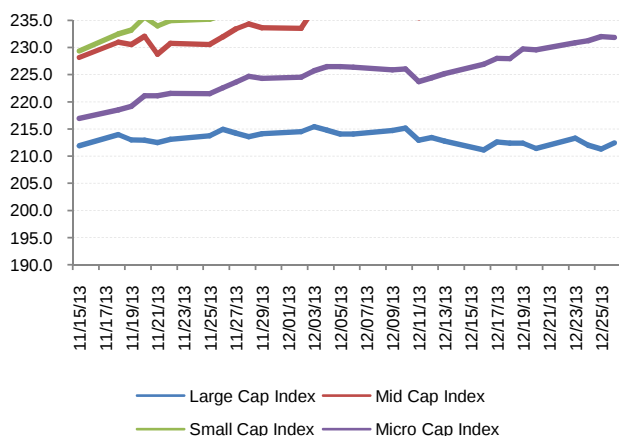
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



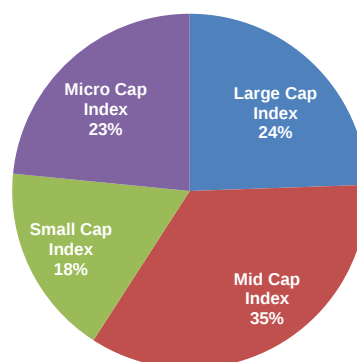
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	877,800	IJC	100,770
2	CII	607,850	PXT	76,000
3	VCB	450,000	VNG	29,700
4	PVD	317,010	PPC	22,340
5	VSH	252,940	KBC	21,320

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	460,000	VCS	100,000
2	PVX	90,400	PVG	20,000
3	PFL	66,000	SHN	18,000
4	SD7	66,000	SCR	10,000
5	DBC	30,000	S91	9,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.6	6.7	↑ 1.52%	10,720,398
OGC	11.3	11.1	↓ -1.77%	8,809,330
HQC	8.4	8.2	↓ -2.38%	4,897,780
FLC	10.6	10.1	↓ -4.72%	3,810,760
MSN	85.0	84.5	↓ -0.59%	2,059,250

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	3.3	3.5	↑ 5.15%	22,110,113
SCR	8.0	8.1	↑ 1.86%	4,532,135
KLF	16.3	15.5	↓ -4.66%	2,593,300
PVS	20.3	20.3	↓ -0.01%	1,974,407
FIT	18.4	17.8	↓ -3.32%	1,854,000

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
GTA	10.0	10.7	0.7	↑ 7.00%
SJS	17.3	18.5	1.2	↑ 6.94%
SPM	24.5	26.2	1.7	↑ 6.94%
TCO	10.1	10.8	0.7	↑ 6.93%
SFC	19.5	20.8	1.3	↑ 6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDC	6.4	7.4	1.0	↑ 15.63%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
DID	5.1	5.6	0.5	↑ 9.80%
PVB	17.7	19.4	1.7	↑ 9.60%
DLR	6.5	7.1	0.6	↑ 9.23%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SSC	41.7	38.8	-2.9	↓ -6.96%
HOT	26.0	24.2	-1.8	↓ -6.92%
HLG	5.8	5.4	-0.4	↓ -6.90%
GDT	25.0	23.3	-1.7	↓ -6.80%
PNC	5.9	5.5	-0.4	↓ -6.78%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HTB	26.2	23.6	-2.6	↓ -9.92%
NGC	15.2	13.7	-1.5	↓ -9.87%
SFN	14.2	12.8	-1.4	↓ -9.86%
LM7	4.1	3.7	-0.4	↓ -9.76%
SDG	23.0	20.8	-2.2	↓ -9.57%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	10,720,398	0.2%	26	260.0	0.6
OGC	8,809,330	-1.8%	(196)	-	1.0
HQC	4,897,780	4.2%	452	18.1	0.8
FLC	3,810,760	6.3%	990	10.2	0.6
MSN	2,059,250	2.7%	555	152.2	4.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	22,110,113	-92.1%	(5,013)	-	0.9
SCR	4,532,135	-1.1%	(160)	-	0.5
KLF	2,593,300	5.8%	880	17.4	1.4
PVS	1,974,407	17.3%	2,872	7.0	1.2
FIT	1,854,000	6.4%	741	24.1	1.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
GTA	↑ 7.0%	6.6%	1,052	10.2	0.7
SJS	↑ 6.9%	-9.2%	(1,433)	-	1.2
SPM	↑ 6.9%	5.2%	2,510	10.4	0.5
TCO	↑ 6.9%	16.2%	2,047	5.3	0.9
SFC	↑ 6.7%	12.1%	1,841	11.3	1.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SDC	↑ 15.6%	6.6%	1,254	5.9	0.4
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
DID	↑ 9.8%	-1.9%	(218)	-	0.5
PVB	↑ 9.6%	21.9%	2,719	7.1	1.5
DLR	↑ 9.2%	-4.3%	(593)	-	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	877,800	18.6%	3,913	10.4	1.9
CII	607,850	4.3%	600	32.3	1.4
VCB	450,000	9.8%	1,757	15.4	1.5
PVD	317,010	20.2%	6,606	9.3	1.7
VSH	252,940	7.7%	963	15.5	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	460,000	17.3%	2,872	7.0	1.2
PVX	90,400	-92.1%	(5,013)	-	0.9
PFL	66,000	-16.1%	(1,522)	-	0.3
SD7	66,000	1.0%	361	34.1	0.3
DBC	30,000	5.6%	1,482	13.8	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	126,018	40.9%	6,696	9.9	3.8
VNM	112,518	40.5%	8,053	16.8	6.7
VIC	63,611	47.1%	6,710	10.4	3.9
VCB	62,570	9.8%	1,757	15.4	1.5
MSN	62,100	2.7%	555	152.2	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	7.5%	1,027	15.2	1.1
PVS	9,023	17.3%	2,872	7.0	1.2
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
SHB	6,025	17.1%	1,884	3.6	0.6
OCH	5,480	5.9%	687	39.9	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	5.67	670.8%	(12,445)	-	(0.2)
CLG	3.14	12.5%	1,402	6.6	0.8
CDC	2.89	-0.3%	(43)	-	0.3
TNT	2.87	-2.5%	(297)	-	0.3
DRH	2.69	-5.1%	(504)	-	0.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	9.67	-0.2%	(21)	-	0.4
GGG	7.22	-566.7%	(1,900)	-	549.0
ITQ	6.59	0.4%	42	137.7	0.6
SHN	6.59	-135.7%	(2,464)	-	4.4
PVA	5.85	-142.4%	(6,367)	-	0.9



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)